TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀXÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2018
V/v "hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Phú.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngạch.
2. Ông Trần Đình Thân.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 05/9/2018, tại Hội trường xét xử số 1, Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C. Sinh năm 1981.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (TAND huyện H đã tuyên bố mất tích tại Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 19/7/2018). Nay không rõ tung tích.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Lê Văn C vào ngày 07/8/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đến năm 2010 thì cả gia đình chuyển về sinh

sống tại tổ dân phố 10, thị trấn H, huyện H , tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được gần 8 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do xảy ra mâu thuẫn là do anh C thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình nên bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 7/2014 thì anh C tự ý bỏ nhà ra đi mà không báo cho gia đình, vợ con, cũng như chính quyền địa phương biết, đến nay không có tin tức gì. Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên bố anh Lê Văn C mất tích tại Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 19/7/2018. Nay chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về quan hệ con cái: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Lê Thị Mỹ C, sinh ngày 01/6/2005, con thứ hai tên là Lê Nguyễn Huy H, sinh ngày 24/3/2008. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi), chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú cuối cùng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn C vắng mặt và đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố mất tích tại Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 19/7/2018. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Lê Văn C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2006 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đến năm 2010 thì cả gia đình chuyển về sinh sống tại tổ dân phố 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm tháng 7/2014 thì anh C tự ý bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay không thấy trở về, chị T đã tìm kiếm nhưng không có kết quả

và đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H tuyên bố anh C mất tích. Từ ngày bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đến nay vẫn không có tin tức gì của anh C, anh C bỏ đi không rõ địa chỉ, cắt đứt mọi quan hệ và để lại 02 đứa con thơ cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đã hơn 04 năm nay vợ chồng không gặp nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, gia đình và địa phương không có bất cứ tin tức gì về anh C. Tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 2, Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn C là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Lê Thị Mỹ C, sinh ngày 01/6/2005, con thứ hai tên là Lê Nguyễn Huy H, sinh ngày 24/3/2008. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi), không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con là chính đáng, bởi lẽ từ khi anh C bỏ nhà ra đi cho đến nay, chị T chăm sóc, nuôi dưỡng các con khỏe mạnh, phát triển bình thường, đảm bảo đầy đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi các con cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này đồng thời anh Lê Văn C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân **:** Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao các con chung là Lê Thị Mỹ C, sinh ngày 01/6/2005 và Lê Nguyễn Huy H, sinh ngày 24/3/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Lê Văn cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này đồng thời anh Lê Văn C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đông án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lại số AA/2016/0004215 ngày 03/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn ;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Phú